

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-01-2023

V/v tranh chấp: “Không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1982; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Phạm Thanh H, sinh năm 1984; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Quỳnh N trình bày: Chị và anh Phạm Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 2020 đến nay, chị và anh H thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2022 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn và vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Phạm Thanh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Như Q, sinh ngày 03/7/2006.

Cháu hiện đang sống với chị, chị yêu cầu Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Thanh H trình bày: Anh và chị Lê Thị Quỳnh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến năm 2022 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sống không hợp nhau. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Quỳnh N, anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị Q, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Lê Thị Quỳnh N.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Như Q, sinh ngày 03/7/2006. Anh thống nhất để chị Như trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh và anh không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Quỳnh N với anh Phạm Thanh H đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lê Thị Quỳnh N và anh Phạm Thanh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Quỳnh N không công nhận chị Như với anh H có quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Quỳnh N và anh Phạm Thanh H cùng thống nhất trình bày anh chị có 01 con chung tên Phạm Lê Như Q, sinh ngày 03/7/2006. Chị Như có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Quỳnh và chưa có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H thống nhất với yêu cầu nuôi con của chị Như và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Phạm Lê Như Q hiện đang do chị Như trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Như Quỳnh có bản tự khai xác định nguyện vọng được chung sống với chị

Như. Mặt khác, chị Như và anh H cũng thống nhất giao cháu Như Quỳnh cho chị Như trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao cháu Như Quỳnh cho chị Như trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, do cháu Như Quỳnh đã sống ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Như là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Do chị Như chưa có yêu cầu và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Quỳnh N và anh Phạm Thanh H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Quỳnh N và anh Phạm Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Quỳnh N và anh Phạm Thanh H có một con Phạm Lê Như Q, sinh ngày 03/7/2006. Giao cháu Phạm Lê Như Q cho chị Lê Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Như chưa có yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018272 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C, TG;
- CCTHADS thị xã C, TG;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp